

Đảm bảo tự do hóa lãi suất

ĐỒNG THỜI TẠO CÁI MỐC ĐỂ CHỐNG CHO VAY NẶNG LÃI LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Cùng với sự gia tăng nhanh chóng của tỷ lệ lạm phát cuối năm 2007 và sang năm 2008 là cuộc chạy đua lãi suất huy động tiền gửi và kèm theo là sự gia tăng lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng (TCTD). Dư luận bàn cãi xung quanh cách điều hành lãi suất cơ bản (lãi suất CB) của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong thời gian vừa qua trên hai điểm chính: Bộ Luật dân sự năm 2005 (Bộ luật DS), với khoản 1 Điều 476 “Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”, có đặt ra trần lãi suất cho vay của các TCTD hay không; cách điều hành của NHNN có phù hợp với cơ chế lãi suất được xác lập theo Luật NHNN và Luật các TCTD hay không ?

HỖ SỸ THỤY

1. Bộ Luật dân sự nói riêng, Pháp luật hiện hành nói chung, không đặt ra trần lãi suất đối với các TCTD.

Trước hết, phải khẳng định rằng: theo Luật NHNN và Luật các TCTD, lãi suất của các TCTD được thực hiện theo cơ chế tự do hóa lãi suất; Lãi suất CB do NHNN công bố chỉ có ý nghĩa thông tin, tham khảo. Nếu không phải như vậy thì Thống đốc NHNN không thể ban hành Quyết định số 546/2002/QĐ-NHNN ngày 30/5/2002 “về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại bằng đồng Việt Nam của TCTD đối với khách hàng”, theo đó, Nhà nước không đặt ra mức, khung hay trần lãi suất mà TCTD và khách hàng tự thỏa thuận với nhau. Quá trình tự do hóa lãi suất ở nước ta cũng đã được trình bày trong một đề tài khoa học cấp ngành trọng điểm của NHNN về chính sách tiền tệ (Mã số KNHTĐ.02.2001; nghiệm thu năm 2005) do TS Dương Thu Hương, nguyên Phó Thống đốc NHNN, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội, hiện là Tổng Thư ký Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, làm chủ nhiệm. Đề tài này cũng đã đánh giá việc thực hiện cơ



chế tự do hóa lãi suất là một thành công của công cuộc đổi mới.

Bộ Luật DS năm 2005 được ban hành sau, nên khoản 1 Điều 476 của nó có hiệu lực đối với cả các TCTD. Điều này khiến Bộ luật DS có vẻ mâu thuẫn với Luật NHNN và Luật các TCTD. Thực ra, không phải như vậy vì, trên góc độ lý luận, chúng không đề cập về cùng một vấn đề mà là về hai vấn đề khác nhau.

Luật NHNN đề cập đến lãi suất tín dụng của nền kinh tế thị trường. Lãi suất này dựa trên nền tảng là tiền vay được người đi vay dùng để đầu tư kinh doanh sinh lời. Lời này, một phần được người đi vay trả cho người cho vay dưới hình thức lãi suất tín dụng, phần còn lại là thu nhập của người đi vay dưới hình thức lợi nhuận. Điều này, Mark đã phân tích trong bộ "Tư bản". Lãi suất mà các tổ chức cung cấp dịch vụ tín dụng đưa ra tại mỗi thời điểm bao giờ cũng là những mức lãi suất cụ thể trên các biểu lãi suất. Trong điều kiện tự do cạnh tranh, đó chính là lãi suất thị trường. Chúng nhất loạt hoặc gần nhất loạt như nhau. Mức chung của lãi suất này tùy thuộc vào quan hệ cung cầu vốn trên thị trường, vào các mức lãi suất đã hình thành theo tập quán, vào mức độ lạm phát của tiền. Sự chênh lệch giữa các mức lãi suất cụ thể sẽ do qui mô, thời hạn, mức độ rủi ro, sự tín nhiệm đối với người đi vay, các điều kiện đảm bảo thu hồi nợ như có đảm bảo hay không có đảm bảo,... của khoản vay quyết định.

Bộ Luật DS,
v ở i

Khoản 1 Điều 476, đề cập đến lãi suất cho vay nặng lãi. Cho vay nặng lãi, đúng như tên gọi, là cho vay với lãi suất nặng. Để đánh giá là "nặng", trong nền kinh tế thị trường, cách hợp lý là đem so sánh với lãi suất thị trường - lãi suất của loại cho vay dựa trên nền tảng là vốn vay được dùng để đầu tư kinh doanh sinh lời như đã trình bày ở trên, mặc dù trên thực tế, tiền vay của loại cho vay nặng lãi thường không phải là để đầu tư kinh doanh sinh lời mà thường là để phục vụ cho chi tiêu sinh hoạt, cho cả những việc bất hợp pháp như: buôn lậu, cờ bạc, cá độ,... Trường hợp vay nặng lãi để đầu tư cho sản xuất - kinh doanh cũng chỉ là trường hợp người đi vay không đủ điều kiện hoặc không thể tiếp cận với nguồn vốn tín dụng từ các TCTD nên họ phải đến với cái mà báo chí gần đây nêu lên khá nhiều và gọi bằng cái tên "tín dụng đen". Đặc biệt, báo chí còn nêu nhiều trường hợp lãi suất nặng đang là một thủ đoạn của bọn lừa đảo dùng để chiếm đoạt những khoản tiền lớn bằng cách đánh vào lòng tham lãi suất cao của nhiều người nệ dạ, cả tin. Cho vay nặng lãi gây nhiều hậu quả tiêu cực cho xã hội đang là một hiện tượng nhức nhối cần phải được ngăn chặn. Muốn vậy, trước tiên phải chọn ra một mức lãi suất để làm mốc phân định. Bộ Luật DS đã đúng khi lấy mức lãi suất cho vay của các TCTD

để làm mốc phân định. Và, một khi lãi suất cho vay của các TCTD được lấy để làm mốc phân định cho vay nặng lãi thì nghĩa là cái mốc này không phải là trần đối với lãi suất cho vay của các TCTD. Bộ Luật DS năm 1995 lấy cái mốc là mức lãi suất cao nhất do NHNN qui định, vì khi đó NHNN qui định cụ thể về từng mức hay trần lãi suất cho các TCTD. Nhưng, đến Bộ Luật DS năm 2005, thì cơ chế tự do hóa lãi suất được thực hiện theo Luật NHNN và Luật các TCTD nên phát sinh một khó khăn. Đó là: mức lãi suất mà các TCTD đưa ra không hoàn toàn như nhau; đối với một TCTD thì mức lãi suất cho vay cũng luôn biến động; hơn nữa, các TCTD không niêm yết lãi suất cho vay như niêm yết lãi suất huỷ động tiền gửi. Trong khi đó, yêu cầu đối với mốc là một mức cụ thể; có tính ổn định; được qui định công khai bằng một văn bản qui phạm pháp luật. Để giải quyết khó khăn này, Bộ Luật DS (khoản 1 Điều 476) đã coi lãi suất CB do NHNN công bố là lãi suất thị trường - lãi suất cho vay của các TCTD - nên đã lấy nó làm mốc. Cụ thể, cái mốc này là một con số bằng lãi suất CB cộng với 50% của lãi suất cơ bản này. Cái mức xê dịch 50% này rõ

ràng mang nặng tính qui ước nên Ủy ban Thường vụ Quốc hội có lý khi bác đề nghị của Chính phủ về việc nâng cái tỷ lệ đó lên, chẳng hạn 200%. Bởi



vi, vấn đề không phải ở cái tỷ lệ xê dịch mang nặng tính qui ước này là 50% hay 200% hay một con số phần trăm nào khác mà ở việc xác định mức lãi suất CB để công bố của NHNN. Nếu lãi suất cơ bản được xác định một cách hợp lý, chẳng những mức lãi suất tối đa theo khoản 1 Điều 476 Bộ Luật DS không phát sinh tác dụng là trần đối với lãi suất cho vay của các TCTD mà còn tạo ra một cái mốc hợp lý để chống cho vay nặng lãi. Rõ ràng là bộ Luật DS nói riêng, pháp luật nói chung không đặt ra trần lãi suất đối với các TCTD.

2. Cần hoàn thiện pháp luật để NHNN làm tròn trách nhiệm

Việc Bộ Luật DS lấy lãi suất CB đã biến lãi suất CB từ chỗ, theo Luật NHNN, Luật các TCTD chỉ có giá trị thông tin, tham khảo vô tình thành trách nhiệm kép đối với NHNN. Một mặt, để làm mốc phân định cho vay nặng lãi, NHNN phải ấn định lãi suất CB ở mức nhỏ nhất có thể, vì từ "nặng lãi" trong Bộ Luật DS thuộc phạm trù đạo đức mang nghĩa xấu - nghĩa bóc lột. Mặt khác, để đảm bảo thực hiện cơ chế tự do hóa lãi suất theo Luật NHNN và Luật các TCTD, NHNN phải ấn định lãi suất CB ở mức độ đủ lớn - mức độ phù hợp với thị trường - để mức tối đa của lãi suất theo khoản 1 Điều 476 Bộ Luật DS không phát sinh tác dụng là trần đối với lãi suất cho vay của các TCTD. Việc giải quyết đồng thời hai đòi hỏi này không phải là khó. Chẳng hạn, NHNN chỉ cần lấy mức trung bình tiến của các mức lãi suất hay cùng lắm là lấy mức gần bằng mức lãi suất thực hiện cao nhất của các TCTD trong một kỳ nhất định làm lãi suất cơ bản cho

kỳ đó. Nghĩa là, lãi suất CB không được coi là một tiến để mà phải được coi là một sự phản ánh đối với lãi suất cho vay của các TCTD. Nếu NHNN ấn định lãi suất CB thấp hơn mức phải có so với đòi hỏi của thị trường thì mức



lãi suất tối đa theo khoản 1 Điều 476 Bộ Luật DS sẽ phát sinh tác dụng là trần đối với lãi suất cho vay của các TCTD. Đây chính là điều mà NHNN đã làm trong thời gian vừa qua để kìm chế các TCTD gia tăng lãi suất cho vay. NHNN tạo ra trần lãi suất thì hậu quả như báo chí đã nêu là các TCTD lách trần lãi suất dưới nhiều hình thức như: thu phí cho vay, tiền ký quỹ... Nếu NHNN áp dụng các biện pháp thực sự hiệu quả để chống lại việc lách trần lãi suất, kết quả là có những TCTD bị giảm sút lợi nhuận, thua lỗ, thậm trí đứng trên bờ vực phá sản. Hậu quả của việc tạo ra trần lãi suất đến mức độ nào, diễn ra như thế nào tùy thuộc vào mức độ kìm chế của trần lãi suất cũng như hiệu quả của các biện pháp chống lách trần lãi suất trước đòi hỏi tăng lãi suất của các TCTD.

Nếu lãi suất cho vay của các TCTD tăng cao sẽ làm tăng chi phí sử dụng vốn vay, hậu quả là

...Nếu NHNN không tạo ra trần lãi suất trong thời gian vừa qua thì trong cuộc chạy đua lãi suất huy động tiền gửi, khó có thể nói trước được lãi suất cho vay của các TCTD sẽ dừng lại ở đỉnh nào...

giảm đầu tư - kinh doanh; các doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn vay bị lỗ, nhiều doanh nghiệp có thể lâm vào phá sản; sự tăng trưởng của nền kinh tế giảm sút, thậm chí suy thoái. Hậu quả nghiêm trọng hay không, đến mức nào còn tùy thuộc vào đỉnh của lãi suất. Nếu NHNN không tạo ra trần lãi suất trong thời gian vừa qua thì trong cuộc chạy đua lãi suất huy động tiền gửi đó, khó có thể nói trước được lãi suất cho vay của các TCTD sẽ dừng lại ở đỉnh nào và với đỉnh ấy thì khó nói trước được điều gì sẽ xảy ra đối với nền kinh tế, xã hội và do đó, đối với chính hệ thống các TCTD. Đến thời điểm này, với kết quả là tỷ lệ lạm phát đã được làm chậm lại trong khi vẫn giữ được nền kinh tế tăng trưởng, có thể nói rằng: việc ấn định lãi suất cơ bản thấp hơn so với đòi hỏi của thị trường để lợi dụng khoản 1 Điều 476 Bộ Luật DS nhằm giới hạn các TCTD tăng lãi suất cho vay tuy không đảm bảo thực hiện được pháp luật về cơ chế tự do hóa lãi suất đối với các TCTD nhưng lại tỏ ra là sự lựa chọn khôn ngoan của NHNN trong việc kiểm chế lạm phát đồng thời giữ kinh tế tăng trưởng.

Khuyết điểm mà lại thành ưu điểm này của NHNN bắt nguồn từ việc, trước đây, khi soạn thảo và thông qua Luật NHNN, các chuyên gia soạn thảo, các Đại biểu Quốc hội gờ tay biểu quyết chắc hẳn không nghĩ rằng lạm phát hai con số lại có thể trở lại, hơn nữa, trở lại một cách nhanh đến chóng mặt nên đã quên mất rằng trần lãi suất, trong những tình thế nhất định nào đó, cũng là một trong những biện pháp để chống suy thoái, đảm bảo tăng trưởng của nền kinh tế mà điều này thì đã được thực tế chứng tỏ ■